**TUẦN 15**

**THỨ 2**

**BUỔI SÁNG**

**Tiết 1: HĐTN**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: TÌM HIỂU VỀ NHỮNG NGƯỜI**

**CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG**

Thời gian thực hiện: Ngày 16 tháng 12 năm 2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐÁT**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết được thành tích của lớp mình trong phong trào rèn nề nếp.

- Tự tin thực hiện nề nếp trong học tập và sinh hoạt.

- Biết được một số nhân vật và sự kiện lịch sử tiêu biểu của dân tộc VN.

- Nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh. Có ý thức và thái độ tích cực, tự giác tham hoạt động chung. Yêu thích tìm hiểu về lịch sử.

- Năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, năng lực ngôn ngữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Kế hoạch bài dạy, nội dung sinh hoạt

**2. HS**: Ghế khi sinh hoạt dưới cờ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHỦ YẾU**

**1. Chào cờ**

- Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới:

+ Ổn định tổ chức.

+ Chỉnh đốn trang phục, đội ngũ

+ Đứng nghiêm trang

+ Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca

+ Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờm chương trình của tiết chào cờ.

+ Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường.

- GV giới thiệu và nhân mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:

+ Thời gian của tiết chào cờ: Là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần.

+ Ý nghĩa của tiết chào cờ : giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kĩ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh.

+ Một số hoạt động của tiết chào cờ:

\* Thực hiện nghi lễ chào cờ

\* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần

\* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

\* Góp phần giáo dục một số nội dung: An toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống.

**2. Hoạt động trải nghiệm: Tìm hiểu những người có công với quê hương**

\* Gợi ý cách tiến hành

- GV Tổng phụ trách hoặc Liên đội trưởng triển khai kế hoạch tổ chức Hội thi “Tìm hiểu về những người có công với quê hương”. Nội dung triển khai gồm:

- Giới thiệu chủ đề hội thi “Tìm hiểu về những người có công với quê hương”.

- Mục đích tổ chức hội thi: Tạo sân chơi để HS tìm hiểu và thể hiện hiểu biết về các kiến thức lịch sử của Việt Nam.

- Thời gian tổ chức hội thi: Triển khai thời gian tổ chức theo kế hoạch của nhà trường

- Hình thức thi: Mỗi lớp lựa chọn một số tiết mục tham gia hội thi.

- Lưu ý với HS lớp 1: Các em lựa chọn các tiết mục tham gia hội thi như: kể chuyện về lịch sử, đóng vai về nhân vật lịch sử.)

**3. Vận dụng**

- GV dặn dò HS:

+ Kể cho gia đình nghe về những người có công với quê hương.

- Nhận xét giờ học.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiết 3+4: Tiếng Việt**

**BÀI 66: UÔI, UÔM**

**(Tiết 1+2, trang 144)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vầnuôi, uôm; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần uôi, uôm; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vầnuôi, uôm (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần uôi, uôm.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần uôi, uôm có trong bài học.

- Phát triển Năng lực: nói về việc đi lại trên biển. Phát triển Năng lực: quan sát, nhận biết cảnh sắc bình minh trên biển, các phương tiện trên biển (thuyền buồm, tàu đánh cá) và các hoạt động trên biển; suy đoán nội dung tranh minh hoạ (cánh buồm căng gió, cảnh sắc và các hoạt động lúc bình minh trên biển).

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và đời sống trên biển thông qua đoạn văn đọc và các hình ảnh trong bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Kế hoạch bài dạy, SGK, bộ đồ dùng DH.

**2. HS**: SGK, bộ đồ dùng Tiếng Việt, VTV.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Ôn bài cũ**  - GV gọi HS đọc lại nội dung bài đọc tiết trước  - GV nhận xét và tuyên dương  **B. Dạy bài mới**  **1. Khởi động**  **\* Hoạt động: Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời cầu hỏi Em thấy gì trong tranh?  - GV nói cầu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng cầu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại cầu nhận biết một số lần: Thuyền buồm xuôi theo chiều gió.  - GV giới thiệu các vần mới uôi, uôm. Viết tên bài lên bảng.  **2. Khám phá**  **\* Hoạt động 1: Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần uôi, uôm.  + GV yêu cầu một số (2-3) HS so sánh vần uôi, uôm để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần uôi, uôm.  + GV yêu cầu một số (4-5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 2 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần  **-Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 2 vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 2 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần uôi.  + GV yêu cầu HS thảo chữ i, ghép m vào để tạo thành uôm.  + GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh uôi, uôm một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- GV giới thiệu mô hình tiếng**  + Có vần *uôi* muốn có tiếng *xuôi* ta làm thế nào?  - GVNX và đưa tiếng vào mô hình   |  |  | | --- | --- | | **x** | **uôi** | | **xuôi** | |   - Yêu cầu HS đánh vần  *x –uôi –xuôi*  - Yêu cầu HS đọc trơn  **\* Đọc tiếng trong SHS**  - GV đưa các tiếng lên bảng:  *muối muỗi nguội tuổi*  *buồm muỗm nhuốm nhuộm*  - Yêu cầu HS đánh vần từng tiếng  - Yêu cầu HS đọc trơn từng tiếng  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: con suối, buổi sáng, quả muỗm. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn chong chóng  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ con suối xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần uôi trong suối, phân tích và đánh vần tiếng suối, đọc trơn con suối. GV thực hiện các bước tương tự đối với buổi sáng, quả muỗm  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ 3 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đổng thanh một lần,  **\* Hoạt động 2: Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần, từ    - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần uôi, uôm.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: uôi, uôm, suối, muỗm.  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS trả lời  - Hs lắng nghe  - HS đọc  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - HS tìm  - HS lắng nghe  - HS đánh vần tiếng mẫu  - Lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - HS tìm  - HS ghép  - HS đọc  - HS thực hiện  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đọc  - HS đọc  - HS lắng nghe, quan sát  - HS nói  - HS nhận biết  - HS đọc  - HS đọc  - HS quan sát  - HS quan sát  - HS viết  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Hoạt động 3: Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần uôi, uôm từ ngữ con suối, quả muỗm.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **3. Luyện tập, thực hành**  **\* Hoạt động 1: Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần uôi, uôm.  - GV yêu cầu một số (4-5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rối cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vầnuôi, uôm trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số cầu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi HS một câu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2-3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời cầu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Buổi sớm mai, mặt biển được miêu tả như thế nào?  + Có thể nhìn thấy những gì trên trời và trên biển vào lúc đó?  **\* Hoạt động 2: Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi HS trả lời:  - Các em nhìn thấy những phương tiện gì trong tranh?  - Em có biết tên những phương tiện đó không?  - Em có biết các phương tiện này di chuyển bằng cách nào không?  - Theo em, phương tiện nào di chuyển nhanh hơn?  - Nếu đi lại trên biển, em chọn phương tiện nào? Vì sao?  **4. Vận dụng**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa vần uôi, uôm và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các văn ac, ăc, đc và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe  - HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc  - HS xác định  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát trả lời các câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -HS tìm  -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BUỔI CHIỀU**

**Tiết 1: Toán**

**LUYỆN TẬP**

**(Tiết 2, trang 70)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 10.

- Rèn kĩ năng làm tính cộng, trừ và vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học, NL mô hình hóa toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Kế hoạch bài dạy, các thẻ phép tính như ở bài 1 để HS chơi trò chơi tính nhẩm. Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

**2. HS**: Sgk, vở, bộ đồ dùng toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:**  - Tổ chức chơi trò chơi “Đố bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép tính trong phạm vi 10 đã học  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV ghi đầu bài: Luyện tập  **2. Luyện tập, thực hành:**  **Bài 3: Cặp đôi**  - GV hướng dẫn mẫu: Có ba số: 7, 5, 2 thành lập các phép cộng, phép trừ từ ba số này  - 5 + 2 = 7  + Em hãy nêu các phép tính còn lại?  - GV nhận xét  - HS tự tìm phép tính từ hai ngôi nhà còn lại.  + Có ba số: 9, 6, 3 thành lập các phép cộng, phép trừ từ ba số này?  - GV nhận xét  + Có ba số: 7, 1, 8 thành lập các phép cộng, phép trừ từ ba số này?  - GV nhận xét  **Bài 4: Cặp đôi**  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  - Chia sẻ trước lớp.  + Em hay nêu tình huống a xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng?  + Em hãy nêu tình huống a xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng khác?  + Em hãy nêu tình huống a xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng khác?  + Em hãy nêu tình huống b xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng?  - GV, HS nhận xét.  **3. Vận dụng:**  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10.  GV, HS nhận xét.  + Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - GV nhận xét tiết học | - 2 HS cùng bàn đố nhau  - HS 1 nêu phép tính, 1 em nêu kết quả.  4 - 3 = 1  7 - 3 = 4  9 - 7 = 2  3 - 3 = 0  8 - 4 = 4  9 - 3 = 6  5 - 1 = 4  - HS nối tiếp nhắc lại đầu bài  - HS lắng nghe  - HS thảo luận cặp đôi và nêu các phép tính còn lại  2 + 5 = 7  7 – 5 = 2  7 – 2 = 5  - HS tự tìm phép tính từ hai ngôi nhà còn lại.  - HS thảo luận cặp đôi và nêu  6 + 3 = 9  3 + 6 = 9  9 - 6 = 3  9 - 3 = 6  7 + 1 = 8  1 + 7 = 8  8 – 1 = 7  8 – 7 = 1  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  + Có 5 bạn đang bơi. Có 3 bạn trên bờ. Có tất cả bao nhiêu bạn?  Phép cộng5 + 3 = 8 hoặc 3 + 5 = 8.  + Có tất cả 8 bạn, trong đó có 3 bạn trên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi?  Phép trừ 8 - 3 = 5.  + Có tất cả 8 bạn, trong đó có 5 bạn đang bơi. Còn lại bao nhiêu bạn trên bờ? Chọn phép trừ 8 - 5 = 3.  + HS nêu tình huống, phép tính  8 + 1 = 9 9 – 1 = 8  1 + 8 = 9 9 – 8 = 1  + HS nêu tình huống, phép tính  - Có 7 bạn học sinh nữ chơi nhảy dây, có thêm 3 bạn. Có tất cả bao nhiêu bạn?  7 + 3 = 10 hoặc 3 + 7 = 10  - Em củng cố thêm bảng cộng, trừ trong phạm vi 10, nêu tình huống và phép tính thích hợp |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**THỨ 3**

**BUỔI SÁNG**

**Tiết 1+2: Tiếng Việt**

**BÀI 67 : UÔC, UÔT**

**(Tiết 1+2, trang 146)**

Thời gian thực hiện: Ngày 17 tháng 12 năm 2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc dúng các vần uôt, uôc; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần uôt, uôc; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần uôt, uôc (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần uôt, uôc

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần uôt, uôc có trong bài học.

- Phát triển Năng lực: nói theo chủ điểm chuẩn bị đi dự sinh nhật bạn như:quà đi dự sinh nhật bạn, nói lời chúc mừng sinh nhật bạn,...

- Phát triển Năng lực: quan sát, nhận biết những sự vật, hoạt động liên quan đến những sinh hoạt thường nhật trong gia đình, sự chăm sóc, tình cảm mẹ con qua việc quan sát tranh (1. Mẹ vuốt tóc và buộc nơ cho Hà; 2. Mẹ đưa Hà đi chơi công viên; 3. Chuẩn bị đi dự sinh nhật bạn).

- Cảm nhận được tình cảm gia đình, nhất là tình cảm giữa mẹ và con và sự chăm sóc của mẹ đối với con qua đoạn văn đọc và hình ảnh trong bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Kế hoạch bài dạy, SGK, bộ đồ dùng DH.

**2. HS**: SGK, bộ đồ dùng Tiếng Việt.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Ôn bài cũ**  - GV gọi HS đọc lại nội dung bài đọc tiết trước  - GV nhận xét và tuyên dương  **B. Dạy bài mới**  **1. Khởi động**  **\* Hoạt động: Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi Em thấy gì trong tranh?  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Mẹ vuốt tóc và buộc nơ cho Hà.  - GV giới thiệu các vần mới uôt, uôc. Viết tên bài lên bảng.  **2. Khám phá**  **\* Hoạt động 1: Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần uôt, uôc.  + GV yêu cầu một số (2- 3) HS so sánh các vần uôt, uôc để tìm ra điểm giống và khác nhau.  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  - **Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần uôt, uôc.  + GV yêu cầu một số (4 -5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 2 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần.  - **Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 2 vần một lần.  - **Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần uôt.  + GV yêu cầu HS tháo chữ t, ghép c vào để tạo thành uôc.  - GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh uôt, uôc một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- GV giới thiệu mô hình tiếng**  + Có vần *uôc* muốn có tiếng *buộc* ta làm thế nào?  - GVNX và đưa tiếng vào mô hình   |  |  | | --- | --- | | **b** | **uôc** | | **buộc** | |   - Yêu cầu HS đánh vần  *b –uôc –buôc – nặng – buộc*  - Yêu cầu HS đọc trơn  **\* Đọc tiếng trong SHS**  - GV đưa các tiếng lên bảng:  *cuốc luộc ruốc thuộc*  *buốt muốt ruột tuột*  - Yêu cầu HS đánh vần từng tiếng  - Yêu cầu HS đọc trơn từng tiếng  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần uôt, uôc  + GV yêu cầu 1- 2 HS phân tích tiếng,  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: ngọn đuốc, viên thuốc, con chuột  - Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ngọn đuốc, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ ngọn đuốc, xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần uôc trong ngọn đuốc, phân tích và đánh vần tiếng đuốc, đọc trơn từ ngữ ngọn đuốc. GV thực hiện các bước tương tự đối với viên thuốc, con chuột  - GV yêu cầu HS đọc trơn nói tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3- 4 lượt HS đọc.  2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **\* Hoạt động 2: Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ.  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: uôt, uôc, đuốc, chuột (chữ cỡ vừa).  - HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - Hs đọc  - HS trả lời  - Hs nói  - HS đọc  - Hs lắng nghe và quan sát  - HS lắng nghe  - Hs tìm  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe, quan sát  - HS đánh vần tiếng mẫu  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - HS tìm  - HS ghép  - HS đọc  - Ghép âm b đứng trước vần uôc dấu nặng đặt dưới âm ô  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS phân tích  - HS đọc  - HS lắng nghe, quan sát  - HS nói  - HS nhận biết  - HS thực hiện  - HS đọc  - HS đọc  - HS lắng nghe, quan sát  - HS viết  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **TIẾT 2** | |
| **\* Hoạt động 3: Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần uôt, uôc; từ ngữ ngọn đuốc, con chuột. GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **3. Luyện tập, thực hành**  **\* Hoạt động 1: Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần uôt, uôc.  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trong các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng nói mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần uôt, uôc trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2-3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời cầu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Mẹ cho Hà đi đâu?  + Từ ngữ nào thể hiện Hà rất vui?  + Hà mặc gì khi đi chơi?  + Theo mẹ Hà, khi đi chơi, cần phải ăn mặc như thế nào?  **\* Hoạt động 2: Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  - Em nhìn thấy những ai và những gì trong bức tranh?  - Các bạn ấy đang làm gì?  - Em đã bao giờ làm những việc đó chưa? - Nếu đã làm, em có cảm thấy thích thú khi làm việc đó không?  **4. Vận dụng**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần uôt, uôc và đặt cầu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần uôt, uôc và khuyến khích HS thực hành giao tiếp nhà. | - HS viết  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc  - HS xác định  - HS đọc  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS tìm  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**THỨ 4**

**BUỔI SÁNG**

**Tiết 1+2: Tiếng Việt**

**BÀI 68: UÔN, UÔNG**

**(Tiết 1+2, trang 148)**

Thời gian thực hiện: Ngày 18 tháng 12 năm 2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần uôn, uông; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần uôn, uông; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vầnuôn, uông (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vầnuôn, uông.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần uôn, uông có trong bài học.

- Phát triển Năng lực: nói.

- Phát triển Năng lực: quan sát, nhận biết về các hiện tượng thời tiết, đặc biệt là khi trời mưa với những dự báo theo kinh nghiệm dân gian của người Việt.

- Cảm nhận được những nét đáng yêu của đời sống con người và loài vật được thể hiện qua tranh và phần thực hành nói; từ đó yêu quý hơn cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Kế hoạch bài dạy, SGK, bộ đồ dùng DH.

**2. HS**: SGK, bộ đồ dùng Tiếng Việt, VTV.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Ôn bài cũ**  - GV gọi HS đọc lại nội dung bài đọc tiết trước  - GV nhận xét và tuyên dương  **B. Dạy bài mới**  **1. Khởi động**  **\* Hoạt động: Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời cầu hỏi Em thấy gì trong tranh?  - GV nói cầu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo, GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại cầu nhận biết một số lần: Chuồn chuồn bay qua/ các luống rau.  - GV giới thiệu các vần mới uôn, uông. Viết tên bài lên bảng.  **2. Khám phá**  **\* Hoạt động 1: Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần uôn, uông.  + GV yêu cầu một số (2-3) HS so sánh các vần uôn, uông để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần uôn, uông.  + GV yêu cầu 4-5 HS nối tiếp nhau đánh vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu 4 – 5 HS nối tiếp nhau đọc trơn vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh.  **b. Đọc tiếng**  **- GV giới thiệu mô hình tiếng**  + Có vần *uôn* muốn có tiếng *chuồn* ta làm thế nào?  - GVNX và đưa tiếng vào mô hình   |  |  | | --- | --- | | **ch** | **uôn** | | **chuồn** | |   - Yêu cầu HS đánh vần  *ch –uôn –chuôn – huyền – chuồn*  - Yêu cầu HS đọc trơn  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - **Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần uôn, uông.  + GV yêu cầu 1-2 HS phân tích tiếng.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: cuộn chỉ, buồng chuối, quả chuông.  Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn cuộn chỉ, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ cuộn chỉ xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần uôn trong cuộn chỉ, phân tích và đánh vần tiếng cuộn, đọc trơn từ ngữ cuộn chỉ.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với buồn chuối, quả chuông.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2-3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm đọc và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **\* Hoạt động 2: Viết bảng**  - GV đưa lần lượt mẫu chữ viết các vần uôn, uông, cuộn chỉ, buồng chuối    - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần uôn, uông.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: uôn, uông và cuộn, buồng. (chữ cỡ vừa).  - HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - Hs đọc    - HS trả lời  - Hs lắng nghe  - HS đọc  - HS lắng nghe  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs so sánh  - Hs lắng nghe  - HS đánh vần tiếng mẫu  - Lớp đánh vần đồng thanh 2 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Ghép thêm âm ch đứng trước vầ uôn, dấu huyền đặt trên âm ô.  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS tự tạo  - HS phân tích  - Lớp đọc trơn đồng thanh  - HS lắng nghe, quan sát  - HS nói  - HS nhận biết  - HS thực hiện  - HS đọc  - HS đọc  - HS lắng nghe, quan sát  - HS viết  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Hoạt động 3: Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần uôn, uông, cuộn chỉ, buồng chuối.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **3. Luyện tập, thực hành**  **\* Hoạt động 1: Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần uôn, uông.  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới.  - Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần uôn, uông trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn.  - Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi thanh một lần một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng  - GV yêu cầu một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  HS trả lời cầu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Những dấu hiệu nào báo hiệu trời sắp mưa?  + Từ ngữ nào miêu tả tiếng mưa rơi xuống rất mạnh?  + Cảnh vật sau con mưa được miêu tả như thế nào?  **\* Hoạt động 2: Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu:  - Các em nhìn thấy những ai và những gì trong bức tranh?  - Bức tranh thể hiện những hiện tượng thời tiết nào?  - Em có thích những hiện tượng thời tiết đó không? Vì sao?  **4. Vận dụng**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần uôn, uông và đặt cầu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần uôn, uông và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe  - HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc  - HS tìm  - HS đọc  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - Hs tìm  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiết 3: Toán**

**LUYỆN TẬP**

**(Tiết 1, trang 72)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết các vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học, NL mô hình hóa toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Kế hoạch bài dạy, các thẻ phép tính. Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

**2. HS**: Sgk, vở, bộ đồ dùng toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động**  - Cho HS chơi trò chơi “Bắn tên” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GVgiới thiệu bài, ghi đầu bài: Luyện tập  **2. Luyện tập, thực hành**  **Bài 1: Bảng con**  - Cho HS làm bài vào bảng con  + Tìm các số phù hợp cho mỗi ô?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 5 + 1 = ? | 4 + ? = 6 | 3 + ? = 6 | | 6 - 1 = ? | 6 - ? = 4 | 6 - ? = 3 |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | 3 + ? = 5 | 2 + ? = 6 | 1 + ? = 4 | | 5 - ? = 3 | 6 - ? = 2 | 4 - ? = 1 |   - GV nhận xét và sửa sai  **Bài 2: Cặp đôi**  - GV đọc yêu cầu  ? Bài yêu cầu làm gì  - Dựa vào hình ảnh trực quan để tìm số phù hợp cho mỗi ô dấu?  - Cho HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  - GV, HS nhận xét.  **Bài 3: Cặp đôi.**  - GV đọc yêu cầu  - GVHD cách làm  - HS quan sát hình vẽ, đếm hoặc dùng Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10 để tìm số cúc áo còn thiếu rồi nêu số phù hợp cho mỗi ô ?  + Em hãy tìm số cúc áo còn thiếu?  - GV tổ chức thành trò chơi vẽ thêm, gắn thêm số cúc áo thích hợp cho mỗi người tuyết.  - GV, HS nhận xét.  **3. Vận dụng**  + Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - GV nhận xét tiết học | - HS 1 nêu phép tính, 1 em nêu kết quả.  4 + 3 = 7 9 – 5 = 4  6 + 1 = 7 8 – 3 = 5  8 + 2 = 10 2 + 8 = 10  - HS nối tiếp nhắc lại đầu bài  - HS làm bảng con, hs lên bảng làm bảng lớp   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 5 + 1 = 6 | 4 + 2 = 6 | 3 + 3 = 6 | | 6 - 1 = 5 | 6 - 2 = 4 | 6 - 3 = 3 |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | 3 + 2 = 5 | 2 + 4 = 6 | 1 + 3 = 4 | | 5 - 2 = 3 | 6 - 4 = 2 | 4 - 3 = 1 |   - 2 HS nhắc lại  - Điền số vào ô trống  - HS thảo luận cặp đôi và chia sẻ trước lớp  8 – 3 = 5 10 – 2 = 8  8 – 1 = 7 9 – 5 = 4  - Chia sẻ trước lớp về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng  - Có 8 cái cặp sách, bớt đi 3 cặp sách. Còn lại bao nhiêu cặp sách.  8 - 3 = 5  - HS đọc yêu cầu  - HS lắng nghe  - HS quan sát hình vẽ, đếm hoặc dùng Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10 để tìm số cúc áo còn thiếu rồi nêu số phù hợp cho mỗi ô ?  ...- 6 + 4 = 10, số cúc áo còn thiếu là 4  3 + 7 = 10, số cúc áo còn thiếu là 7  - HS vẽ thêm, gắn thêm số cúc áo thích hợp cho mỗi người tuyết.  - Biết cách thực hiện phép cộng, trừ, nêu tình huống với phép tính tương ứng.  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**THỨ 5**

**BUỔI SÁNG**

**Tiết 1+2: Tiếng Việt**

**BÀI 69: ƯƠI ƯƠU**

**(Tiết 1+2, trang 150)**

Thời gian thực hiện: Ngày 19 tháng 12 năm 2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS:Nhận biết và đọc đúng các vần *ươi, ươu*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần *ươi, ươu*; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần *ươi, ươu* (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *ươi, ươu.*

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ươi, ươu có trong bài học.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết về một số loài vật đặc biệt như chim khướu (loài chim biết bắt chước tiếng người), lạc đà (một loài vật đặc biệt với cái bướu lớn trữ mỡ trên lưng, có thể giúp con người băng qua những vùng sa mạc khắc nghiệt trong nhiều ngày), một số loài vật thông minh, có khả năng làm xiếc (xiếc thú) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (1. Hình ảnh chim khướu biết bắt chước tiếng người; 2. Hình ảnh chú lạc đà đang đi qua sa mạc; 3. Hình ảnh rạp xiếc với những tiết mục xiếc thú đặc sắc.)

- Phát triển kỹ năng nói về một diễn biến nào đó mà em đã trải nghiệm, cụ thể là nói về một buổi đi xem xiếc với những tiếc mục xiếc thú đặc sắc.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống, từ đó yêu hơn thiên nhiên và cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Kế hoạch bài dạy, SGK, tranh ảnh minh họa, bộ đồ dùng DH.

**2. HS**: SGK, bộ đồ dùng Tiếng Việt, VTV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Ôn bài cũ**  - GV gọi HS đọc lại nội dung bài đọc tiết trước  - GV nhận xét và tuyên dương  **B. Dạy bài mới**  **1. Khởi động**  **\* Hoạt động: Nhận biết**  + Em thấy gì trong tranh?  - GV nhận xét: Nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và yêu cầu HS nói theo (đọc 2 lượt)  - GV giới thiệu các vần mới *ươi, ươu*; được xuất hiện trong câu thuyết minh  - GV ghi đầu bài:  *ươi, ươu*;  **2. Khám phá**  **\* Hoạt động 1: Đọc**  **a. Đọc vần** ***ươi, ươu***  **\* So sánh các vần**  - GV đưa lần lượt các vần:  *ươi, ươu*; lên bảng.  + Vần  *ươi, ươu*; có điểm nào giống nhau?  + Điểm nào khác nhau?  => GV chốt và nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **\* Đánh vần các vần**  - GV đánh vần mẫu các vần:  *ươi, ươu*;  - Yêu cầu HS đọc đánh vần  - Yêu cầu HS đọc đồng thanh  **\* Đọc trơn các vần**  - GV yêu cầu HS đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  **\* Ghép chữ cái tạo vần**  - GV yêu cầu HS ghép chữ cái tạo thành vần  *ươi, ươu*;  - GV yêu cầu HS đọc các vần ghép được trên bảng gài  **b. Đọc tiếng**  **\* Đọc tiếng mẫu**  **- GV giới thiệu mô hình tiếng**  + Có vần *ươi* muốn có tiếng *người* ta làm thế nào?  - GVNX và đưa tiếng vào mô hình   |  |  | | --- | --- | | **ng** | **ười** | | **người** | |   - Yêu cầu HS đánh vần  *ng – ươi – ươi – huyền – người*  - Yêu cầu HS đọc trơn  **\* Đọc tiếng trong SHS**  - GV đưa các tiếng lên bảng:  *bưởi cười lưới mười*  *bươu hươu khướu rượu*  - Yêu cầu HS đánh vần từng tiếng  - Yêu cầu HS đọc trơn từng tiếng  **\* Ghép chữ cái tạo tiếng**  - GV yêu cầu HS ghép tiếng chứa *ươi, ươu* và yêu cầu HS phân tích tiếng vừa ghép được  - Yêu cầu HS đọc trơn tiếng vừa ghép  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ:  + Tranh vẽ vẽ gì?  - GV chốt và ghi: *tươi cười*  - Từ *tươi cười* tiếng nào chứa vần *mới*?  - Yêu cầu HS phân tích tiếng *tươi, cười*  - Yêu cầu HS đọc trơn từ *tươi cười*  => *(Các từ còn lại thực hiện tương tự)*  *tươi cười quả bưởi ốc bươu*  => GV có thể giải nghĩa từ ngữ khó cho HS hiểu.  **d. Đọc lại các tiếng**  - GV viên tổ chức cho HS đọc lại các tiếng, từ ngữ trên bảng  **\* Hoạt động 2: Viết bảng (10p)**  - GV đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.    - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết.  - Yêu cầu HS viết bảng con  - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS đọc bài  - Con chim khướu đang nói  - HS đọc đồng thanh theo GV  - HS nối tiếp nhắc lại đầu bài  - HS quan sát  - Giống nhau: Các âm đứng trước đều là âm *ư và ơ*  - Khác nhau ở các âm đứng sau: *i, u*  - HS lắng nghe  - HS nối tiếp đánh vần  - Lớp đánh vần ĐT (Tổ - cả lớp)  - HS nối tiếp đọc trơn CN - Tổ - Lớp  - HS lần lượt ghép vần  *ươi, ươu*  - HS đọc các vần vừa ghép  - Ta thêm âm *ng* vào trước vần *ot*  - HS nối tiếp đánh vần CN - Tổ - Lớp  - HS nối tiếp đọc trơn CN - Tổ - Lớp  - HS nối tiếp đánh vần CN - Tổ - Lớp  - HS nối tiếp đọc trơn CN - Tổ - Lớp  - HS thực hiện ghép trên bảng gài và nêu  - HS nối tiếp đọc trơn tiếng vừa ghép  - HS quan sát tranh  - Tranh vẽ *em bé đang cười*    - Tiếng *tươi, cười* chứa vần *ươi*  *- Tiếng tươi* âm *t* đứng trước, vần *ươi* đứng sau …..  - HS nối tiếp đọc trơn CN - Tổ - Lớp  - HS đọc bài  - HS quan sát  - HS luyện viết trên bảng con |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Hoạt động 3: Viết vở**  - GV hướng dẫn HS viết đúng điểm đặt bút và đúng số lần theo yêu cầu, Lưu ý khoảng cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cấm bút.  - GV yêu cầu HS viết vào vở các vần *ươi, ươu*; các từ ngữ  *tươi cười, ốc bươu*  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nx và sửa bài viết của một số HS.  **3. Luyện tập, thực hành**  **\* Hoạt động 1: Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *ươi, ươu*;  - GV yêu cầu một số HS đọc trơn các tiếng chứa vần mới.  + Bài đọc có mấy câu?  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp câu  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp đoạn  + Lạc đà có bộ phận gì đặc biệt? Bộ phận đó nằm ở đầu?  + Vì sao lạc đà có thể sống nhiều ngày mà không cần ăn uống?  + Lạc đà có lợi ích gì đối với con người?  - GV nhận xét  **\* Hoạt động 2: Nói theo tranh**  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Các em nhìn thấy những con vật nào trong tranh?  + Em có biết từng con vật trong tranh có những lợi ích gì không?  - GV cần giúp HS hiểu được lợi ích của một số vật nuôi, sự gắn gũi của vật nuôi với con người. Vì vậy chúng ta cần biết yêu thương vật nuôi, không được lạm dụng và ngược đãi chúng.  **4. Vận dụng**  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS.  - HS tìm một số từ ngữ chứa các vần *ươi, ươu* và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV lưu ý HS ôn lại các vần iêt, iêu, yêu và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe  - HS viết trong vở tập viết  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm các tiếng chứa vần mới học *ươi, ươu* và nêu  - HS đọc nối tiếp CN - ĐT tổ - Lớp  - Bài đọc có 5 câu  - HS đọc nối tiếp câu - ĐT  - HS đọc nối tiếp cả đoạn - ĐT  - Có cái bướu to ở trên lưng  - Bướu của lạc đà là nơi dự chữ chất béo nên nó không cần ăn uống  - Giúp con người băng qua những vùng sa mạc khô cằn.  - HS quan sát tranh trong SHS.  - Bò, vịt, dê  - HS trả lời : ….  - HS lắng nghe  - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BUỔI CHIỀU**

**Tiết 2: Tiếng Việt (TVTT)**

**ÔN LUYỆN TUẦN 15 (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các vần đã học. Hoàn thành vở bài tập Tiếng Việt 1.

- HS phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Kế hoạch bài dạy, SGK, Vở bài tập Tiếng Việt.

**2. HS**: SGK, vở, Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Ôn bài cũ**  **B. Dạy bài mới**  **1. Khởi động**  - GV giới thiệu, ghi đầu bài  **2. Luyện tập, thực hành**  **\* Hoạt động 1: Luyện đọc bài trên bảng**  - GV ghi bảng.   |  |  | | --- | --- | | *Những cánh buồn đỏ thắm*  *Trôi trên nền biển xanh*  *Trông như là tấm tranh*  *Của ai vừa mới vẽ.* |  |   - Yêu cầu HS đọc đánh vần  - Yêu cầu HS đọc trơn  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **\* Hoạt động 2: Viết**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly các vần  - GV hướng dẫn HS viết mỗi vần 1 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **3. Vận dụng**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm bài tập trong vở Bài tập Tiếng Việt**  - GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - Đọc lại bài buổi sáng  - HS đọc CN - N - ĐT  - HS đọc CN - N - ĐT  - HS viết bài vào vở ô ly  - HS hoàn thành vở bài tập Tiếng Việt  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiết 3: Tiếng Việt (TVTT)**

**ÔN LUYỆN TUẦN 15 (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các vần đã học. Hoàn thành vở bài tập Tiếng Việt 1.

- HS phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Kế hoạch bài dạy, SGK, Vở bài tập Tiếng Việt.

**2. HS**: SGK, vở, Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động**  - GV giới thiệu, ghi đầu bài  **2. Luyện tập, thực hành**  **\* Hoạt động 1: Luyện đọc bài trên bảng**  - GV ghi bảng.   |  |  | | --- | --- | | *Những cánh buồn đỏ thắm*  *Trôi trên nền biển xanh*  *Trông như là tấm tranh*  *Của ai vừa mới vẽ.* |  |   - Yêu cầu HS đọc đánh vần  - Yêu cầu HS đọc trơn  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **\* Hoạt động 2: Viết**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly các vần  - GV hướng dẫn HS viết mỗi vần 1 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **3. Vận dụng**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm bài tập trong vở Bài tập Tiếng Việt**  - GV hướng dẫn HS hoàn thành các bài tập  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc CN - N - ĐT  - HS đọc CN - N - ĐT  - HS viết bài vào vở ô ly  - HS hoàn thành vở bài tập Tiếng Việt  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**THỨ 6**

**BUỔI SÁNG**

**Tiết 1+2: Tiếng Việt**

**BÀI 70: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN**

**(Tiết 1+2, trang 152)**

Thời gian thực hiện: Ngày 20 tháng 12 năm 2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS:Nắm vững cách đọc các vần uôn, uông, ươi, ươu, uôi, uôm, uôt, uôc; cách đọc các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần uôn, uông, ươi, ươu, uôi, uôm, uôt, uôc; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết cầu có từ ngữ chứa một số vần đã học.

- Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể chuyện Chuột nhà và chuột đồng và trả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kể lại câu chuyện. Câu chuyện cũng giúp HS trân trọng cuộc sống tự do, tự chủ và yêu quý những gì do chính mình làm ra.

- HS thêm yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Kế hoạch bài dạy, SGK, tranh ảnh minh họa, bộ đồ dùng DH.

**2. HS**: SGK, bộ đồ dùng Tiếng Việt, VTV.

**III.** **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Ôn bài cũ**  - HS đọc lại các vần *uôn, uông, ươi, ươu, uôi, uôm, uôt, uôc*  **B. Dạy bài mới.**  **1. Khởi động**  - GV giới thiệu, ghi đầu bài  **2. Luyện tập, thực hành**  **\* Hoạt động 1: Đọc vần, từ ngữ**  **\* Đọc vần**  **-** GV yêu cầu HS ghép âm với vần để tạo thành tiếng (Hoàn thành hai bảng)  *cuốc muốc nuốc tuốc nguốc*  *uôi ươi*  **-** GV yêu cầu HS đọc trơn các tiếng vừa ghép  **\* Đọc từ ngữ**  **-** GV yêu cầu HS đọc trơn các từ ngữ  *vuốt ve, cưỡi ngựa, nhuộm vải, luống cuống, trẻ thơ, lem luốc, nướu răng, muôn màu*  **\* Hoạt động 2: Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu.  - Giải nghĩa một số từ: *khóm, trổ buống, trắng muốt, vàng ruộm*  + Đoạn đọc có mấy câu?  - Gọi HS đọc nối tiếp câu  - Yêu cầu HS đọc cả đoạn  + Ông trồng những loại cây nào?  + Các loài cây ấy đang ở vào thời điểm nào?  + Ông nuôi những con vật gì?  + Những con vật ấy có gì đặc biệt?  **\* Hoạt động 3: Viết**  - GV hướng dẫn HS viết vào Tập viết 1, tập một. Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS.  Đôi chim khướu hót vang  - GV lưu ý HS chữ cái đầu câu phải viết hoa.  - GV quan sát, nhận xét và sửa lỗi cho HS. | - HS đọc CN - ĐT  - HS nhắc lại đầu bài  - HS ghép trên bảng gài  - HS đọc CN - ĐT  - HS đọc CN - ĐT  - HS lắng nghe  - Đoạn đọc có 8 câu  - HS đọc CN - ĐT  - HS đọc CN - ĐT  - Chuối, bưởi, đu đủ  - Vào thời điểm ra hao, kết trái.  - Gà, chim, mèo  - Gà biết ấp trứng, nở thành gà con. Chim khướu biết hót. Mèo nằm cuộn tròn  - HS viết bài. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm**  **Kể chuyện**  **CHUỘT NHÀ VÀ CHUỘT ĐỒNG**  Một hôm, chuột nhà về quê thăm chuột đồng. Chuột đồng liền chui vào góc hang bê thức ăn ra mời chuột đồng. Đó chỉ là những thân cây đã khô queo, những củ quả vẹo vọ mà chuột đồng đã khó nhọc tìm kiếm, nhặt nhạnh trên những cánh đồng làng. Chuột nhà bĩu môi:  - Thế mà cũng gọi là thức ăn à? Ở thành phố thức ăn sạch sẽ, ngon lành mà lại dễ kiếm.  Thôi cậu lên thành phố với tớ đi, no đói có nhau.  Nghe bùi tai, chuột đồng bỏ quê lên thành phố. Tối đầu tiên đi kiếm ăn, chuột nhà phân công:  - Tổ sẽ vào nhà khuân thức ăn ra, rối cậu tha về hang nhé.  Vừa đi được một lát, chuột nhà đã hớt hải quay lại:  - Một con mèo đang rượt theo.  Hai con vội chui tọt vào hang. Thấy chuột đồng lo sợ, chuột nhà an ủi:  - Thua keo này, bày keo khác. Ta sẽ đi lõi khác kiếm ăn.  Lần này chúng mò đến kho thực phẩm. Vừa lúc ấy, chủ nhà mở kho để lấy hàng. Một con chó dữ dằn cử nhằm vào hai con chuột mà sủa. Chúng đành phải rút về hang với cái bụng đói meo. Sáng hôm sau, chuột đồng thu xếp hành lí, vội chia tay chuột nhà:  - Thôi, tớ về quê đày. Thà gặm mấy thứ xoàng xĩnh do chính tay mình làm ra còn hơn.  Ở đây, thức ăn thì có vẻ ngon đấy nhưng không phải của mình, lúc nào cũng phải lo lắng, đề phòng, sợ lắm! | |
| **\* Hoạt động 1: GV Kể chuyện**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi.  **Đoạn 1:** Từ đầu đến bỏ quê lên thành phố. GV hỏi HS:  1. Khi chuột nhà đến chơi, chuột đồng đã thết đãi chuột nhà những gì?  2. Vì sao chuột nhà rủ chuột đồng lên thành phố?  **Đoạn 2:** Từ Tối đáu tiên đi kiếm ăn đến Ta sẽ đi lối khác kiếm ăn. GV hỏi HS:  3. Tối đầu tiên đi kiếm ăn trên thành phố, chúng gặp phải chuyện gì?  4. Thất bại ở trong lần đầu kiếm ăn, chuột nhà đã an ủi chuột đồng như thế nào?  **Đoạn 3**: Từ Lần này đến cái bụng đói meo, GV hỏi HS:  5. Chuyện gì xảy ra khi chuột nhà và chuột đồng mò đến kho thực phẩm?  **Đoạn 4:** Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  6. Sau rất nhiều chuyện xảy ra, chuột đồng quyết định làm gì?  7. Chia tay chuột nhà, chuột đồng nói gì?  - GV có thể tạo điểu kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra cầu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của cầu chuyện được kể  **\* Hoạt động 2: HS Kể chuyện**  - Tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4, kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh.  - Thi kể trước lớp  - GV nhận xét, tuyên dương.  **4. Vận dụng**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà; kể cho người thân trong gìa đình hoặc bạn bè câu chuyện . | - HS lắng nghe  - Những thân cây đã khô queo, những củ quả vẹo vọ.  - Vì ở thành phố thức ăn sạch sẽ, ngon lành mà lại dễ kiếm.  - Gặp một con mèo  - Thua keo này, bày keo khác  - Một con chó dữ dằn  - Về quê  - Thà gặm mấy thứ xoàng xĩnh do chính tay mình làm ra còn hơn. Ở đây, thức ăn thì có vẻ ngon đấy nhưng không phải của mình, lúc nào cũng phải lo lắng, đề phòng, sợ lắm!  - HS hoạt động nhóm kể cho nhau nghe  (Mỗi bạn kể một đoạn trong câu truyện)  - Đại diện nhóm lên kể trước lớp  - HS lắng nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiết 4: Toán**

**LUYỆN TẬP**

**(Tiết 2, trang 73)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 và vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết các vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học, NL mô hình hóa toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Kế hoạch bài dạy, các thẻ phép tính như ở bài 1 để HS chơi trò chơi tính nhẩm. Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

**2. HS**: Sgk, vở, bộ đồ dùng toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:**  - GV nêu phép tính, HS trả lời miệng   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1 + 6 = | 5 + 5 = | 9 - 2 = | | 3 + 7 = | 3 + 6 = | 6 - 3 = | | 2 + 5 = | 8 + 1 = | 9 - 4 = |   - GV nhận xét  - GV giới thiệu bài, ghi đầu bài  **2. Luyện tập, thực hành:**  **Bài 4: Cá nhân**  - Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ tìm số thích hợp trong ô?  - GV gọi hs nêu phép tính  + Em hãy nêu tình huống ứng với hình, phép tính mà bạn vừa nêu?  - YC hs chia sẻ với bạn cách làm của mình. Lí giải cách quan sát để tìm số thích hợp.  - GV nhận xét.  **Bài 5. Cặp đôi**  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  + Hãy nêu tình huống a xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  + Hãy nêu tình huống b xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  - GV nhận xét, tuyên dương  **3. Vận dụng:**  - HS nghĩ ra một sổ tinh huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV hướng dẫn hs làm quen với việc tìm một thành phần chưa biết của phép tính.  \* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - GV nhận xét tiết học | - HS nêu miệng kết quả   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1 + 6 = 7 | 5 + 5 = 10 | 9 - 2 = 7 | | 3 + 7 = 10 | 3 + 6 = 9 | 6 - 3 = 3 | | 2 + 5 = 7 | 8 + 1 = 9 | 9 - 4 = 5 |   - HS nối tiếp nhắc lại đầu bài  - Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ tìm số thích hợp trong ô làm phép tính vào vở  - HS nêu: 2 + 4 = 6  - Có tất cả 6 chú voi. Có 2 chú voi đang căng băng rôn. Có bao nhiêu chú voi đứng ở sau băng rôn?  - HS chia sẻ với bạn cách làm của mình. Lí giải cách quan sát để tìm số thích hợp.  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.  - HS thảo luận cặp đôi, 1 bạn nêu tình huống, 1 bạn nêu phép tính tương ứng  + Có 8 bạn trong nhà, 3 bạn ra ngoài rồi. Hỏi còn bao nhiêu bạn còn ở trong nhà?. - Phép tính 8 – 5 = 3  + Có 9 con gà. Có 3 con gà đang đứng ngoài lùm cây. Có bao nhiêu con gà đang nấp trong bụi cây?  - Phép tính 9 – 6 = 3  - Có 10 chiếc kẹo, em cho bạn 2 cái kẹo. Em còn lại mấy cái kẹo?  10 - 2 = 8  - HS lắng nghe  - Em biết cách thực hiện các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 10  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***